

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX
Tại ngày 31/12/2016

Được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG – T.D.K

M.S.C

H. C. S. C.

MỤC LỤC

Trang

STT

NỘI DUNG

1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 - 2

2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 - 4

3. BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

5 - 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008; Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/7/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/1/2011; Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/8/2011; Quyết định điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20/1/2012 và Quyết định điều chỉnh số 107/GPĐC-UBCK ngày 16/8/2012; Giấy phép điều chỉnh số 39/GPĐC-UBCK ngày 4/9/2013; Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 5/8/2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty được Cục thuế thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mã số 0102669368 ngày 11/3/2008.

Công ty thành lập Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1129/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Quyết định 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008 là: **135.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).**

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 5 Toà nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Các đơn vị trực thuộc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 86-88 Phố Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:

Các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Trần Thị Chung	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Thanh	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Lưu Đức Quang	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Huyền	Ủy viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

Các thành viên Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Bà Phạm Thị Hải Ninh	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bầu ngày 15 tháng 05 năm 2014

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lưu Đức Quang

Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 16 tháng 05 năm 2014

Ông Lê Tiến Đông

Phó Tổng Giám đốc

Bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2014

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO CHỈ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và đảm bảo báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2016 của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xem xét và đánh giá một cách thận trọng tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2016 được đánh giá và trình bày trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực và hợp lý theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT – BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016.



Lưu Đức Quang

Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT, CAHN, ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Email: thanglongkiemtoan@gmail.com
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số: 1374 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex tại ngày 31/12/2016

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex được lập ngày 06 tháng 03 năm 2017 được trình bày từ trang 05 đến trang 11 đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 về “Quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán” và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và với quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 về “Quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán” và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC” của Bộ Tài chính.

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2016

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về “chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính” và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09 tháng 10 năm 2012 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC” của Bộ Tài chính;

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Phụ trách kế toán

TRẦN THỊ THU HÀ

Bộ phận KSNB

NGUYỄN THỊ THANH THANH

Tổng Giám đốc



LƯU ĐỨC QUANG

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



LƯU ANH TUẤN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1026-2014-045-1

NGUYỄN TRUNG KIÊN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1129-2014-045-1

THĂNG LONG T. D. K.

THĂNG LONG T. D. K.

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2016

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn			
1	Vốn chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	135.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần	0		
3	Cổ phiếu quỹ	0		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	0		
5	Quỹ đầu tư phát triển	0		
6	Quỹ dự phòng tài chính	539.355.743		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	539.355.742		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	42.949.325.010		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	0		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	0		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			0
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính		13.235.837.156	0
1A	Tổng		165.792.199.339	
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>			
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5</i>		0	
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
III	Các khoản phải thu ngắn hạn			
1	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		141.000.000	
2	Trả trước cho người bán		35.373.287.500	
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn			

	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0	
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		29.028.437.195	
5	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0	
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
IV	Hàng tồn kho		0	
V	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		285.104.064	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
4	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		157.980.185	
4	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác		10.000.000	
1B	Tổng -		64.995.808.944	
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		0	
3	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0	
4	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		0	

2	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
II	Tài sản cố định		1.506.460.053	
III	Bất động sản đầu tư		0	
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con		0	
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		0	
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	<i>Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8</i>			
	<i>Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5</i>		0	
4	Đầu tư dài hạn khác		0	
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
V	Tài sản dài hạn khác		4.081.508.278	
	<i>Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5</i>		0	
1C	Tổng		5.587.968.331	
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C		95.208.422.064	

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Đơn vị tính: VND

A RỦI RO THỊ TRƯỜNG

	Các danh mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
- I	Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		68.466.996.048	0
1	Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng	0%	68.466.996.048	0
2	Các khoản tương đương tiền	0%	0	0
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%	0	0
II	Trái phiếu chính phủ		0	0
1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ thuộc các nước OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc NHTW của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD	5%	0	0
2	Trái phiếu công trình được chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh được niêm yết	8%	0	0
III	Trái phiếu doanh nghiệp		0	0
1	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	0	0
2	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	0	0

3	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	0	0
4	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	0	0
5	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	0	0
6	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	0	0
IV	Cổ phiếu		26.931.465.557	3.049.082.834
1	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại HSX; chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	22.357.100.000	2.235.710.000
2	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại HNX	15%	4.210.885.557	631.632.834
3	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UPCoM	20%	0	0
4	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%	0	0
5	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	363.480.000	181.740.000
V	Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán		0	0
1	Quỹ đại chúng	10%	0	0
2	Quỹ thành viên	30%	0	0
VI	Chứng khoán bị hạn chế giao dịch		0	0
1	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ năm trở đi	40%	0	0
2	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	0	0
VII	Chứng khoán khác		0	0
1	Các loại chứng khoán khác	80%	0	0
2	Chứng khoán bảo lãnh phát hành	80%	0	0
VIII	Rủi ro tăng thêm		0	0
A	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG		95.398.461.605	3.049.082.834

B RỦI RO THANH TOÁN

	Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro					Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
I	Rủi ro trước thời hạn thanh toán						
1	Tiền gửi có kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản đảm bảo						0
2	Cho vay chứng khoán						0
3	Vay chứng khoán						0
4	Hợp đồng mua bán lại (Repo)						0
5	Hợp đồng bán mua lại (Reverse Repo)						0
6	Giao dịch ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)					10.227.772.503	818.221.800
II	Rủi ro quá thời hạn thanh toán		0				
	Thời gian quá hạn					Hệ số rủi ro	Giá trị rủi ro
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					16%	0
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					32%	0
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					48%	0
4	Trên 60 ngày					100%	0
III	Rủi ro tăng thêm (nếu có)						
						10%	0
						20%	0
B	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN						818.221.800

C RỦI RO HOẠT ĐỘNG

I	Tổng chi phí hoạt động	22.822.268.432
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	5.719.721.140
1	Chi phí khấu hao	1.309.274.947
2	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	4.415.842.953
3	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	0
4	Dự phòng phải thu khó đòi	(5.396.760)
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	17.102.547.292
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = III * 25%)	4.275.636.823
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	27.000.000.000
C	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{III,IV})	27.000.000.000
D	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	30.867.304.634

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	3.049.082.834	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	818.221.800	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	30.867.304.634	
5	Vốn khả dụng	95.208.422.064	
6	Tỷ lệ an toàn/Vốn khả dụng (6=5/4)	308,44%	

Phụ trách kế toán

Bộ phận KSNB

TRẦN THỊ THU HÀ

NGUYỄN THỊ THANH THANH

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



LƯU ĐỨC QUANG